

Số: 49 /KH-UBND

Thanh Trị, ngày 24 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2025
trên địa bàn huyện Thanh Trị

Căn cứ Luật Giáo dục 14/06/2019;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 11/02/2025 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 02/04/2021 của UBND huyện Thanh Trị về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2020-2025;

UBND huyện ban hành Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2025 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phát triển giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh Sóc

Trăng về việc điều chỉnh khoản 6, Mục II, Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 08/4/2022 và khoản 6, Mục II, Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng; Kế hoạch số 153-KH/HU ngày 25/6/2024 của Huyện ủy Thạnh Trị về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tiếp tục triển khai thực hiện các Tiểu dự án, nội dung thành phần về phát triển giáo dục nghề nghiệp trong 03 Chương trình mục tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 và thực hiện tốt cơ chế, chính sách đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động.

2. Yêu cầu

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của phát triển chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển nguồn lao động có kỹ năng nghề phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2025 và trong thời gian tới.

Công tác tuyển sinh, đào tạo nghề phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động; thực hiện lộ trình phát triển một số ngành, nghề đào tạo đạt chất lượng cấp độ vùng và quốc gia.

II. NỘI DUNG

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ sơ cấp và đào tạo ngắn hạn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện; hình thành đội ngũ lao động có kiến thức, kỹ năng nghề từng bước đáp ứng nhu cầu của các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài huyện gắn với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội. Bên cạnh đó, góp phần chuyển dịch cơ cấu nguồn lao động phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời, cải thiện và nâng cao chỉ số về đào tạo lao động, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của huyện.

Củng cố, phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ năng lực đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo; đầu tư các điều kiện cần thiết nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tại Trung tâm GDNN-GDTX huyện.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng, kèm cặp nghề nghiệp cho 1.000 người (kể cả đào tạo nghề tư nhân), trong đó: đào tạo trình độ sơ cấp 180 người, đào tạo thường xuyên (dưới 3 tháng) 820 người (*kèm theo phụ lục*)

Đào tạo nghề từ ngân sách nhà nước được xác định rõ địa chỉ, vị trí nghề nghiệp cần đào tạo và nhu cầu của người cần học nghề, sau đào tạo nghề 100% có việc làm.

Phân đầu đến cuối năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, đào tạo nghề đạt 65%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 32,5%.

3. Đối tượng, phạm vi thực hiện

3.1. Đối tượng

Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn, sức khỏe phù hợp với nghề cần học; trong đó, ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người lao động thuộc các đối tượng: người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người khuyết tật; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động nữ; người thi hành xong án phạt tù; người sau cai nghiện ma túy; thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Phạm vi thực hiện: trên địa bàn huyện Thanh Trì.

4. Ngành, nghề đào tạo

4.1. Ngành, nghề đào tạo được xác định căn cứ vào nhu cầu chuyển dịch lao động theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các văn bản có liên quan đến giáo dục nghề nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu thực tế sử dụng lao động của công ty, doanh nghiệp, người lao động trực tiếp sản xuất để tổ chức đào tạo nghề (đảm bảo theo danh mục nghề được UBND tỉnh phê duyệt).

4.2. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp được thực hiện theo các quy định hiện hành.

5. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

5.1. Công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh

Tổ chức tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; đặc biệt là chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp; chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng.

Tiếp tục thực hiện hình thức đăng ký học trực tiếp; đa dạng các kênh tư vấn tuyển sinh, đặc biệt là tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng,...

5.2. Phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Thường xuyên điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng đáp ứng chất lượng đầu ra theo yêu cầu vị trí việc làm của đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt là nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp phục vụ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động và quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc đào tạo nghề của Trung tâm GDNN-GDTX huyện làm cơ sở để đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ công tác đào tạo

nghề.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức thực hiện công tác giáo dục nghề nghiệp các cấp (huyện, xã/thị trấn) và đội ngũ cán bộ, giáo viên Trung tâm GDNN-GDTX huyện.

5.3. Thực hiện các chính sách trong giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp như: chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ dưới 3 tháng; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; chính sách hỗ trợ đào tạo lao động cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; chính sách hỗ trợ đào tạo cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số;...

Đa dạng hóa nguồn lực trong giáo dục nghề nghiệp theo mô hình tổng hợp, bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn lực của các nhà đầu tư; nguồn vốn huy động tài trợ trong và ngoài nước; nguồn lực tự có của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đóng góp của người học nghề, người sử dụng lao động và các nguồn khác hướng đến thực hiện lộ trình tự chủ của Trung tâm GDNN-GDTX huyện trong thời gian tới.

5.4. Tổ chức đào tạo, giải quyết việc làm sau đào tạo

Tổ chức đào tạo theo đúng quy mô tuyển sinh của từng ngành, nghề đào tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo trang bị kiến thức, hình thành kỹ năng thực hành nghề theo hướng tự chủ, sáng tạo, sát với thực tiễn sản xuất.

Liên kết, phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng trong và ngoài tỉnh tổ chức tuyển sinh, đào tạo đối với các ngành, nghề mà các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh chưa được phép đào tạo nhưng phải phù hợp với trình độ đào tạo và đáp ứng nhu cầu xã hội. Đẩy mạnh liên kết, phối hợp giữa doanh nghiệp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện để đào tạo lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo việc làm sau đào tạo cho người học.

Chú trọng các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, học sinh, sinh viên và người lao động sau đào tạo,...phối hợp khai thác có hiệu quả sản phẩm dịch vụ của tỉnh Sóc Trăng, Cổng thông tin điện tử “Người tìm việc - Việc tìm người” của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Sóc Trăng để tạo cầu nối cho người lao động với doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp bền vững, hiệu quả.

6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2025 trên địa bàn huyện Thạnh Trị dự kiến là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí thuộc ngân sách tỉnh là 500.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí khác (xã hội hóa) dự kiến là 300.000.000 đồng.

(Kèm theo phụ lục)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện và các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nội dung kế hoạch này, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện và điều kiện kinh tế của từng hộ gia đình; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi hoạt động đào tạo nghề cho lao động tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ có kèm cặp truyền nghề, định hướng cho các cơ sở nêu trên liên kết với Trung tâm GDNN-GDTX huyện tổ chức đào tạo nghề, cấp chứng chỉ đào tạo, giải quyết việc làm theo quy định hoặc hướng dẫn các cơ sở này đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trình độ dưới 3 tháng.

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Dân tộc và Tôn giáo lựa chọn các cơ sở có đủ điều kiện đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn huyện (theo quy định) tham mưu, đề xuất UBND huyện.

Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX huyện triển khai thực hiện các chương trình, dự án có liên quan đến giáo dục nghề nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tham mưu UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

Định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm) tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và Môi trường

Trực tiếp theo dõi công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển của từng xã, thị trấn.

Cung cấp thông tin về định hướng, các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện và hướng dẫn các xã, thị trấn xác định nhu cầu học nghề nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn.

Chỉ đạo hệ thống khuyến nông gắn kết các hoạt động khuyến nông với hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tổ chức nhân rộng mô hình giáo dục nghề nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong ngành nông nghiệp.

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX huyện triển khai thực hiện cơ chế, chính sách về đào tạo nghề nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp; dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho lao động trong lĩnh vực nông nghiệp; chỉ đạo thực hiện nguồn vốn đào tạo nghề nông nghiệp cho người lao động theo nhu cầu; hướng dẫn xây dựng danh mục ngành, nghề, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo nghề nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp cho người lao động; xây dựng mô hình đào tạo nghề phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nâng cao, ưu tiên các nghề trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, cơ giới hóa đồng bộ, chế biến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận an

toàn; nghề về quản trị trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã và các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

3. Phòng Nội vụ

Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND huyện thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo Trung tâm GDNN - GDTX huyện theo quy định.

Phối hợp, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ về lao động và việc làm trên địa bàn.

Phối hợp với các ngành có liên quan rà soát, thống kê nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo, nhu cầu đào tạo nghề cho lao động đang làm việc tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ để làm cầu nối cho Trung tâm GDNN - GDTX huyện phối hợp ký hợp đồng hỗ trợ đào tạo nghề và cung ứng lao động theo nhu cầu của người sử dụng lao động.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu UBND huyện phân khai kinh phí thực hiện kế hoạch này; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, sử dụng kinh phí đối với nguồn kinh phí được cấp đảm bảo đúng quy định.

Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

5. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm tiểu thủ công nghiệp cho người lao động đặc biệt là lao động khu vực nông thôn.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện gắn kết các hoạt động chuyên môn có liên quan với hoạt động đào tạo nghề cho người lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan tổ chức, tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, các sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP của địa phương.

6. Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh huyện

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Phòng Nông nghiệp và Môi trường thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về đào tạo nghề và các cơ sở đào tạo nghề có đủ điều kiện, các nghề đào tạo, các mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm có hiệu quả đến Nhân dân trên địa bàn.

7. Phòng Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng chất lượng lao động, nhu cầu học nghề, nhu cầu việc làm của người dân tộc thiểu số trên địa bàn.

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm GDNN - GDTX huyện tổ chức đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm theo nhu cầu; thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đối với người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở

các xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc; nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho người lao động vùng dân tộc thiểu số.

Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu, kết quả, hiệu quả đào tạo nghề và việc làm sau đào tạo nghề cho đối tượng người dân tộc thiểu số.

8. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện

Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo đúng chương trình, kế hoạch đào tạo nghề được phê duyệt. Đảm bảo chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo nghề, nhất là các ngành nghề mới. Tổ chức kiểm tra, công nhận tốt nghiệp đối với người học nghề trình độ sơ cấp theo đúng quy định hiện hành.

Phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Sóc Trăng liên kết với các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển lao động để ký hợp đồng cung ứng lao động sau đào tạo.

Tăng cường liên kết với các công ty, doanh nghiệp đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, giới thiệu việc làm cho lao động sau học nghề. Phấn đấu 100% lao động có việc làm sau học nghề.

9. Đề nghị Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện

Thực hiện cho vay đối với người lao động tham gia học nghề có nhu cầu vay vốn từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định; cho vay vốn ưu đãi đối với người lao động sau đào tạo nghề để khởi nghiệp và giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Hội Cựu chiến binh huyện, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Huyện đoàn, Hội Nông dân huyện

Theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, việc làm,...; vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia học nghề, tìm việc làm; giám sát việc triển khai công tác đào tạo nghề tại địa phương theo Kế hoạch.

11. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện tốt nội dung kế hoạch này, gắn hoạt động đào tạo nghề với Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Rà soát, thống kê các đối tượng: người trong độ tuổi lao động đã qua đào tạo nghề, chưa qua đào tạo nghề, người lao động có nhu cầu học nghề có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học báo cáo về ngành chuyên môn huyện, tỉnh (khi có yêu cầu).

Rà soát, thống kê các đối tượng: người hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, người thi hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện ma túy và các đối tượng chính sách xã hội khác trên địa bàn quản lý đủ điều kiện học các ngành nghề theo quy định tại Điều 61 của Bộ Luật lao động,

chưa qua đào tạo nghề, có nhu cầu học nghề để xét tuyển vào các khóa đào tạo theo quy định.

Phối hợp với Trung tâm GDNN - GDTX huyện kiểm tra các lớp đào tạo nghề (ít nhất mỗi lớp kiểm tra một lần); định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm) báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm GDNN - GDTX huyện để tổng hợp báo cáo UBND huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng theo quy định.

Cập nhật tình hình lao động sau học nghề có nhu cầu việc làm trong và ngoài nước gửi về Trung tâm GDNN - GDTX huyện tư vấn, giới thiệu việc làm.

Thường xuyên cập nhật thông tin lao động sau học nghề (có việc làm, chưa có việc làm), đồng thời báo cáo UBND huyện (qua Phòng Giáo dục và Đào tạo) các mô hình người lao động sau học nghề thực hiện hiệu quả để kịp thời nhân rộng.

12. Các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn định kỳ 6 tháng (ngày 15/5), năm (ngày 15/11) tổng hợp tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gửi báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo UBND huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng.

Trên đây là Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp năm 2025 trên địa bàn huyện Thạnh Trị./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- TT.Huyện ủy;
- PCT UBND huyện;
- Cơ quan, đơn vị tại mục III;
- CVP, PCVP;
- Lưu: VT, NC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Ngàn





PHỤ LỤC

PHÂN BỐ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 189 /KH-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Thạnh Trị)

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu (người)	Trong đó		Kinh phí thực hiện (đồng)	Trong đó		Ghi chú
			Sơ cấp nghề	Đào tạo thường xuyên (dưới 03 tháng)		Ngân sách tỉnh	Xã hội hóa	
1	Thị trấn Phú Lộc	140	18	122	82.000.000	52.000.000	30.000.000	
2	Thị trấn Hưng Lợi	140	18	122	82.000.000	52.000.000	30.000.000	
3	Xã Châu Hưng	70	18	52	78.000.000	48.000.000	30.000.000	
4	Xã Vĩnh Lợi	65	18	47	75.000.000	45.000.000	30.000.000	
5	Xã Vĩnh Thành	65	18	47	75.000.000	45.000.000	30.000.000	
6	Xã Thạnh Tân	120	18	102	82.000.000	52.000.000	30.000.000	
7	Xã Thạnh Trị	120	18	102	82.000.000	52.000.000	30.000.000	
8	Xã Tuân Tức	100	18	82	82.000.000	52.000.000	30.000.000	
9	Xã Lâm Tân	100	18	82	82.000.000	52.000.000	30.000.000	
10	Xã Lâm Kiết	80	18	62	80.000.000	50.000.000	30.000.000	
Tổng cộng		1.000	180	820	800.000.000	500.000.000	300.000.000	